TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2017/HN-ST
Ngày: 06-9-1017
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thục Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải;

Bà Hoàng Thị Lê Dung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Lan Hương, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 06-9- 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 585/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017, về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2017/QĐSTXX- HNGĐ ngày 16-8-2017 và thông báo mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn :* Bà Trần Thị Vũ N sinh năm 1984; HKTT đường TP, phường TN, thành phố VT(Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh A, sinh năm 1981, HKTT xã L, huyện M, tỉnh N; nơi cư trú đường TP, phường TN, thành phố VT(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đề ngày 05 tháng 6 năm 2017, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Vũ N trình bày: Bà và ông Nguyễn Ngọc Huỳnh A cùng công tác tại thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2005, tự nguyện tìm hiểu và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã L, huyện M, tỉnh N năm 2011.

Sau khi kết hôn thì ông Huỳnh A về quê nhà tại xã L, huyện M, tỉnh Nkinh doanh, thời gian này vợ chồng bà N đã xảy ra mâu thuẫn.

Đến năm 2015 thì vợ chồng bà N quyết định cùng về chung sống và làm việc tại thành phố VT.

Từ năm 2016 do bất đồng quan điểm sống, không cùng có tiếng nói chung, nên thường xuyên xảy ra cãi vã xúc phạm lẫn nhau, thậm chí có đôi lúc ông Huỳnh A đập phá đồ đạc trong nhà.

Bà N đã cố gắng khắc phục những khó khăn trong cuộc sống, hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả, do đó mâu thuẫn tiếp tục nảy sinh trong một thời gian dài, làm cho cho hôn nhân của vợ chồng bà N lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, bà N không còn tình cảm với ông Huỳnh A nên bà N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Huỳnh A.

- Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Thành P sinh ngày 19-02-2012, bà N đề nghị trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh A trình bày: Ông đồng ý phần trình bày của bà Nhi về điều kiện kết hôn và thời gian chung sống.

Thời gian đầu vợ chồng ông Huỳnh A có cuộc sống bình thường, nhưng thời gian gần đây vợ chồng ông Huỳnh A phát sinh mâu thuẫn, nhưng cũng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ chưa đến mức phải ly hôn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Huỳnh A không muốn sống tại nhà cha mẹ bà N, nhưng ông Huỳnh A cũng không yêu cầu bà N phải sống chung nhà với ông, nếu bà N muốn thì vẫn tiếp tục ở chung với cha mẹ, còn ông sẽ thuê nhà ở riêng. Vì vậy, không đồng ý ly hôn theo đề nghị của bà N.

Con chung: Nguyễn Vũ Thành P hiện nay đang cùng ở với bà N, ông Huỳnh A mong muốn con có một gia đình hạnh phúc.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không tham gia phiên tòa.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm.

4.1.Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại điều 48 Bộ luật TTDS năm 2015.

Tại phiên tòa hội đồng xét xử, thư ký, đã thực hiện đúng quy định tại các điều 239, 243, 247, 248, 249, 258, 260 Bộ luật TTDS năm 2015.

Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật TTDS năm 2015. Bị đơn không hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70,72 Bộ luật TTDS năm 2015.

4.2. *Nội dung vụ án:* Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, đối chiếu quy định pháp luật vợ chồng bà N mâu thuẫn là có thật, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

Về con chung: Từ trước đến nay con chung ở với bà N, để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu, đề nghị giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con bà N không yêu cầu nên không xem xét.

Tài sản chung, nợ chung : Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Trần Thị Vũ N và ông Nguyễn Ngọc Huỳnh A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Bà N có đơn yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Huỳnh A. Ông Huỳnh A cư trú tại thành phố VT. Do đó, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Vũng tàu theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Vũ N và ông Nguyễn Ngọc Huỳnh A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, bà N yêu cầu ly hôn, ông Huỳnh A không đồng ý ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Thành P sinh ngày 19-02-2012, bà N yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông Huỳnh A không có ý kiến về việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông Huỳnh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Xét các yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà N và ông Huỳnh A hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

Thời gian đầu, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc. Năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn cũng đã được hai bên bàn bạc hòa giải nhưng không có kết quả, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, hiện nay đã ly thân không cùng sống chung trong một nhà.

Ông Huỳnh A cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và không cùng chung sống chung trong một nhà, nhưng cho rằng mâu thuẫn không đến mức độ phải ly hôn và đề nghị tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng như hiện nay, không nhất thiết vợ chồng cứ phải cùng phải sống chung trong một nhà.

Để có cơ sở xem xét yêu cầu của bà N, để biết rõ hơn tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn của vợ chồng bà N, Tòa tiến hành xác minh thì được biết: Vợ chồng bà N trong quá trình hôn nhân thường xuyên xảy ra cãi vã, ông Huỳnh A hay đi uống rượu, không phụ giúp chăm lo gia đình, hiện nay ông Huỳnh A không cùng sống chung với bà N mà đi thuê nhà trọ để ở.

Nội dung tại Biên bản xác minh phù hợp với lời khai của bà N về tình trạng hôn nhân.

Xét thấy: Ông Huỳnh A cho rằng vẫn tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng như hiện nay, mỗi người sống một nơi, không nhất thiết vợ chồng phải cùng chung sống với nhau là không có căn cứ bởi lẽ:

Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận cả hai vợ chồng đều đồng ý không cùng chung sống hoặc do yêu cầu của công việc. Tuy nhiên, yêu cầu của ông Huỳnh A bà N không đồng ý và cũng không phải do yêu cầu của công việc nên không có căn cứ chấp nhận.

Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà N là có thật, mâu thuẫn trong một thời gian dài, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Từ trước đến nay cháu Nguyễn Vũ Thành P do bà N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, ông Huỳnh A cũng không giành quyền nuôi con. Để ổn định, tránh xáo trộn cuộc sống làm ảnh hưởng sự phát triển tâm sinh lý của trẻ, giao cháu Nguyễn Vũ Thành P sinh ngày 19-02-2012 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục là phù hợp và đúng quy định pháp luật. Ông Huỳnh A được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu có căn cứ .

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 2, 3 Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Vũ N.

[1].Về hôn nhân: Bà Trần Thị Vũ N ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Huỳnh A.

[2].Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Thành P sinh ngày 19-02-2012 cho bà Trần Thị Vũ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục.

Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh A được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bà Trần Thị Vũ N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3].Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4].Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Vũ N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng(ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng(ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006733 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vũng Tàu, bà N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT ;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thục Anh